

TÍN NGƯỠNG THỦY THẦN VÀ TÁC ĐỘNG CỦA TAM GIÁO

(Nghiên cứu trường hợp chùa Yên Phú, Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội)

Tóm tắt: Bài viết phân tích sự tác động của Tam giáo (Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo) với tín ngưỡng Thủy thần ở chùa (và đình) làng Yên Phú, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, một địa danh nằm ở phía nam Kinh thành Thăng Long xưa, khu vực rất đậm đặc loại hình tín ngưỡng này.

Từ khóa: tín ngưỡng Thành hoàng, tín ngưỡng dân gian, tín ngưỡng Thủy thần, Tam giáo, Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, chùa Yên Phú.

1. Dẫn nhập

Chùa Yên Phú (tên chữ là Thanh Vân Cổ Tự và Khánh Hưng Tự), tọa lạc tại xóm Dưới, thôn Yên Phú (tên Nôm là làng Tráng), xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, phía nam thành phố Hà Nội. Chùa thờ Phật và Thái bà Phương Dung, một tu sĩ Phật giáo đã tham gia cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng cùng hai người con nuôi là Trung Vũ và Đài Liệu, vốn là thủy thần, được thờ ở miếu làng, sau được phối thờ tại chùa.

Chùa hiện còn lưu giữ được một số thư tịch Hán Nôm, đặc biệt là bản Thần tích *Yên Phú Tự* (được sao lại vào năm Thành Thái thứ 7, 1905). Thần tích kể về Thái bà Phương Dung xuất gia tu Phật, mơ thấy Thủy thần giáng xuống trần xin làm con, sau nhặt được hai quả trứng rắn, nở thành hai con trai là Trung Vũ và Đài Liệu. Hai ông đánh giặc Tô Định rồi hóa ở sông Tô Lịch, được thờ làm thần Thành hoàng làng Yên Phú. Đây là một trong rất nhiều truyền thuyết về thủy thần, mà sự tích và hành trạng biến đổi vô cùng phong phú lưu hành khắp vùng châu thổ Bắc Bộ.

2. Tín ngưỡng Thủy thần với Phật giáo

Buổi đầu nền văn minh nhân loại, người nguyên thủy không những thần thánh hóa các hiện tượng thiên nhiên khủng khiếp (Mặt Trời, Mặt

*. NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Trăng, mưa gió, sấm chớp, hồng thủy,...), mà còn thần linh hóa những cảnh quan riêng biệt trên mặt đất nơi họ cư trú (sông biển, núi rừng). Họ cho rằng, đó là nơi thần linh tụ hội. Thậm chí, một cây to, một hòn đá lớn, một hồ nhỏ,... cũng có thần, có thể cảm nhận được. Sóng phụ thuộc vào thiên nhiên, con người nguyên thủy kính trọng và thờ phụng những lực lượng tự nhiên đó. Tộc người nào trên thế giới cũng như vậy. Diện mạo đặc trưng của tín ngưỡng thần linh ở mỗi tộc người phụ thuộc vào đặc điểm thiên nhiên, khí hậu vùng miền, phương cách tồn tại, tâm lý dân cư và đặc điểm cấu trúc xã hội.

Châu thổ Bắc Bộ, vùng lõi của văn minh Đại Việt, là một trong những khu vực trồng lúa nước sớm. Khảo cổ học cho rằng, cây lúa đã xuất hiện tại khu vực này cách đây khoảng 5.000 năm. Trong quá trình người nguyên thủy chuyên săn bắn và hái lượm di chuyển dần xuống miền trung du và đồng bằng Bắc Bộ, việc trồng lúa đầu tiên diễn ra ở những vùng chân núi, nơi các con sông đổ ra vùng đất thấp. Việc canh tác lúa nước thực sự phát triển khi đoàn người xuống đến vùng đồng bằng phù sa màu mỡ, vùng ven biển, sông ngòi chằng chịt. Đơn vị sản xuất cơ sở là các gia đình quần tụ thành cộng đồng làng xã giữa những cánh đồng lúa nước rộng lớn. Tín ngưỡng thần linh của cộng đồng người Việt cổ canh tác lúa nước đương nhiên phải gắn liền với đất đai, các nguồn nước và thời tiết mưa nắng.

Địa bàn thủ đô Hà Nội và vùng lân cận, Thủy thần gắn với sông Tô Lịch và vùng đầm hồ kéo dài một vệt từ huyện Từ Liêm đến huyện Thanh Trì. Phía nam kinh thành Thăng Long xưa là nơi sông hồ rộng lớn, Thanh Trì là vùng thấp của túi nước đó. Tín ngưỡng Thủy thần rất phổ biến ở khu vực này. Thần tích Yên Phú Tự viết về sự xuất hiện của Thủy thần như sau:

“(Phuong Dung) Ở đó (Thanh Vân Tự) vừa tròn một năm. Ngày nọ, bà (Thái bà) đến bên sông Kim Ngưu tắm. Lúc này, Mặt Trời chưa đứng bóng, ngược mắt lên thấy một đám mây lành sà xuống cuốn lấy thân thể. Kinh hãi, bà chạy về chùa. Đêm hôm ấy, bà nằm mộng thấy một tướng quân mặc áo gấm, đeo ngọc châu, thân thể kỳ dị từ dưới nước đi lên, tự xưng là quan Thủy thần và nói với bà rằng: Nhà ngươi đức dày, lệnh cho hai Thủy thần đầu thai xuống làm con nên chớ có lo lắng về điều đó. Nói rồi, vị thần lên thuyền rồng, bay trên không mà biến mất. Tỉnh lại, bà chỉ cho là một giấc mộng kỳ lạ. Ngày hôm sau, khi đi qua miếu, Thái bà thấy

trước miếu có hai quả trứng rất lớn, bèn mang về chùa. Bỗng từ hai trứng phát ra tiếng vang như sấm dậy (đó là ngày 22 tháng 4 năm Quý Ty), trứng tách vỏ và xuất hiện hai vị đầu người mình rắn, da có có vảy giáp, tướng mạo kỳ lạ, thiên tư to lớn, biết đó là Thủy thần xuất thế. Các cụ phụ lão và dân làng Yên Phú nghe về sự việc kỳ lạ ấy thì cùng nhau kéo đến chùa. Hai vị thần liền nói với các phụ lão rằng: Anh em chúng tôi vốn là Thủy thần mà các ông thờ phụng lâu nay, một người tên là Trung Vũ, một người tên là Đài Liệu. Nay phụng mệnh Thiên đình giáng sinh để giúp đỡ cho đất nước. Các vị phụ lão và nhân dân đều tỏ ta cung kính hành lễ và tấu lên rằng: Làng chúng tôi quả là có thờ các vị Thủy thần có tên như vậy! Bèn hành lễ bái tạ và xin nhận làm bề tôi. Thế là hai ông được Thái bà nuôi dưỡng”⁽¹⁾.

Theo thần tích trên, đầu Công nguyên, làng Yên Phú đã có miếu thờ thần và chùa thờ Phật. Phật giáo và tín ngưỡng bản địa đã hội ngộ, bà mẹ Phương Dung, một tu sĩ Phật giáo đã thu nhận và nuôi nấng hai rắn thần (thủy thần).

Một số nghiên cứu gần đây cho rằng, Phật giáo có mặt ở nước ta vào thời Hùng Vương. Những Phật tử đầu tiên là Chủ Đổng Tử và công chúa Tiên Dung⁽²⁾. Phật giáo là tôn giáo có quá trình truyền bá hòa bình. Phật giáo có thể dễ dàng giao thoa với văn hóa bản địa tạo nên những tín ngưỡng đặc sắc. Sự gặp gỡ giữa Phật giáo với tín ngưỡng nông nghiệp bản địa vùng Dâu đã hình thành dòng Phật giáo dân gian với hệ thống Tứ Pháp (Thần - Phật) tồn tại bền vững cho tới ngày nay. Tiếp nhận tôn giáo mới từ vị tu sĩ Phật giáo nước ngoài là một phụ nữ bình dân tên là Man Nương. Bà đã trở thành Phật Mẫu, mẹ của bốn vị nữ thần tự nhiên Phật hóa là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện và Thạch Quang Phật. Tín ngưỡng Tứ Pháp đã hội tụ vào nó Phật giáo, Shiva giáo, tín ngưỡng nông nghiệp, tục thờ đá, thờ cây, tín ngưỡng phồn thực bản địa cùng tâm thức sùng kính người mẹ của tộc Việt.

Theo thần tích chùa Yên Phú, khoảng đầu Công nguyên, tại làng Yên Phú đã có chùa và người tu hành Phật, sớm hơn Phật giáo ở vùng Dâu thời Sĩ Nhiếp gần 200 năm. Nếu nhìn nhận Phật giáo đã đến nước ta vào cuối thời Hùng Vương với hai Phật tử là Chủ Đổng Tử và công chúa Tiên Dung, thì có thể vào đầu Công nguyên, Phật giáo đã có mặt tại làng Yên Phú. Nếu vậy, chùa Yên Phú có lẽ thuộc vào loại cổ xưa nhất. Tương tự, thủy thần đã được thờ cúng trước đó rất lâu.

Nhiệm vụ của thủy thần là điều hòa nguồn nước nuôi cây lúa, nguồn sống của cộng đồng người Việt cổ. Thần tích chùa Yên Phú chép: “Thời gian đó, trời hành hạn hán, cây cối đều chết khô, lập tức hai ông (Trung Vũ và Đài Liệu) truyền dân làng lập đàn để cầu âm dương trời đất. Vừa cầu được một lúc, bỗng thấy trời đất u ám, giữa ban ngày mà tựa như đêm, mưa gió lớn nổi lên khắp cả một vùng rộng, ruộng đồng đầy nước, năm đó được mùa lớn. Từ đó nhân dân yên ổn làm ăn, dùng đức để phục vụ hai ông”⁽³⁾.

Tổ Âu Cơ - Lạc Long Quân có trăm người con chia nhau cai quản núi sông, từ đó hình thành hai hệ sơn thần và thủy thần khai triển khắp vùng trung du đồng bằng sông Hồng, sông Mã. Các vị thần có thể đầu thai làm con cái các gia đình phàm trần để giúp đỡ cho đất nước, nhà nào có phúc tất sẽ được hưởng. Tại đây, chen vào tín ngưỡng thần linh có dấu ấn của tư tưởng Luân hồi, Ứng thân Bồ Tát của Phật giáo Đại thừa⁽⁴⁾. Thủy thần thường xuất hiện dưới dạng giao long, thường luồng, rắn, giải, cá chép để cứu dân khỏi tai họa. Diện phân bố của thủy thần dạng rắn phổ biến toàn bộ Đồng bằng Bắc Bộ, đậm đặc nhất là tỉnh Hà Đông cũ, với truyền thuyết về những vị thủy thần nổi tiếng như: Linh Lang đại vương (vị thần trấn phía Tây của Kinh thành Thăng Long xưa); Trương Hồng và Trương Hát (các vị thủy thần sông Như Nguyệt phía Bắc của Kinh thành Thăng Long xưa); ông Dài và ông Cụt (cặp thủy thần đê điều chống lụt được thờ ở nhiều làng ven sông Cầu); người học trò của Chu Văn An đã vì nghĩa thầy trò mà hy sinh thân mình cứu dân khỏi nạn hạn hán, v.v... Các vương triều độc lập Đại Việt cũng thờ thủy thần ở cấp quốc gia. Năm Thiên Phúc thứ 6 (985) Lê Hoàn định lễ đua thuyền mùa thu hằng năm⁽⁵⁾. Năm Thuận Thiên thứ 2 (1011), Lý Công Uẩn vừa lên ngôi, kiến thiết thành Thăng Long: xây dựng cung điện, chùa chiền, đền quán, nhà vua cũng cho dựng điện Hàm Quang ở bên sông Lô⁽⁶⁾ để vua xem hội đua thuyền vào tháng 7, 8 hằng năm: “Năm ấy, trong thành bên tả dựng cung Thái Thanh, bên hữu dựng chùa Vạn Tuế, làm kho Trấn Phúc. Ngoài thành dựng chùa Tứ Đại Thiên Vương và các chùa Cẩm Y, Long Hưng, Thánh Thọ. Dựng điện Hàm Quang ở bên sông Lô”⁽⁷⁾.

Như vậy, đồng thời với các công trình Phật giáo, Đạo giáo, một số cơ sở thờ tự tín ngưỡng Thủy thần cũng được xây dựng trên bến sông Hồng ngay bên Kinh thành Thăng Long có hội đua thuyền, nhà vua đến xem. Việc vua đến điện Hàm Quang xem hội đua thuyền vào mùa thu hằng

năm được sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại khá đều đặn thời Lý - Trần và các thời sau đó. Tạ Chí Đại Trường nhận định: “Vai trò của sông nước đã để dấu vết sâu đậm đối với hoạt động của các chính quyền từ thế kỷ X... Lễ đua thuyền hằng năm của dân chúng không phải là một cuộc vui, mà là một sinh hoạt tín ngưỡng nhằm bảo đảm cuộc sống thường ngày dưới sự bảo trợ của thần linh”⁽⁸⁾.

3. Tín ngưỡng Thủy thần với Nho giáo

Thế kỷ X là thời kỳ cao trào giành độc lập với các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê đầy biến động. Đầu thế kỷ XI, các tướng lĩnh quân sự phối hợp với giới trí thức Phật giáo đưa họ Lý lên ngôi, lập ra vương triều phong kiến Việt ổn định đầu tiên, kéo dài 215 năm (1010 - 1225). Đại Việt sau đó được các vương triều phong kiến Trần, Hồ, Lê, Mạc, Lê - Trịnh, Tây Sơn, Nguyễn tiếp nối, phân chia cai quản cho đến nửa đầu thế kỷ XX, song song tồn tại với đế quốc phong kiến Trung Hoa. Nền độc lập căn bản giữ vững được là nhờ vào lòng yêu nước và bản lĩnh văn hóa.

Các vương triều độc lập đều cai trị qua bộ máy hành chính theo mô hình nhà nước phong kiến Trung Hoa, mà cơ sở lý luận là Nho giáo. Thần học Nho giáo cho vua là Thiên tử (con Trời), có quyền chủ tể bách thần. Tín ngưỡng thần linh phản ánh tâm tư nguyện vọng của người dân. Để thu phục lòng người, tập trung và củng cố quyền lực, các vương triều đều phải quan tâm và chia sẻ thế giới tâm linh đó. Trong thời kỳ phong kiến, tư tưởng Nho giáo, thiết chế nhà nước Nho giáo đã liên tục tác động vào thế giới thần linh của dân chúng. Cho đến nay, dựa vào những tư liệu có được, các nhà nghiên cứu cho rằng, lần khảo khóa phong thần sớm nhất được biết của các vương triều độc lập là thời vua Lê Hoàn, khoảng niên hiệu Thiên Phúc (980 - 988). Sau đó, các vương triều Lý, Trần, Lê, Nguyễn đều cố gắng quy tụ và kiểm soát thế giới thần linh bằng việc phong thần, ban sắc. Với phong kiến Nho giáo, thế giới bách thần ngày càng bị thế quyền cương tỏa.

Từ triều Lê, Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống. Phật giáo, từng là tư tưởng chủ lưu thời Lý - Trần, đến giai đoạn này thoái lui trên trường chính trị, trở về sống trong dân gian. Trước đó, các triều Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần đều phong thần, để cho các làng thờ cúng như xưa. Việc thờ thần trong dân vẫn còn tương đối độc lập với chính quyền. Đến thời Lê, quá trình cải tạo bách thần theo tinh thần Nho giáo tăng

tốc, thần quyền được thu tóm vào tay nhà vua cùng với tiến trình tổ chức bộ máy nhà nước tập quyền cao độ về mặt thế tục. Bách thần được tập hợp, phân loại, phân cấp theo tinh thần Nho giáo chính thống. Các thứ bậc Thượng Đẳng thần, Trung Đẳng thần, Hạ Đẳng thần bắt đầu được dùng từ thời Lê trở đi.

Vua không chỉ cai trị dân chúng (thế quyền) mà còn có quyền lực đối với thần linh (thần quyền). Thần quyền được thực thi thông qua bộ máy nhà nước thế tục, là cơ cấu Giám quản Bách thần thuộc Bộ Lễ. Trình tự phong thần như sau: quan chức địa phương khai báo thần tích, hành trạng các vị thần mà dân chúng đang thờ cúng; Bộ Lễ biên tập các thần tích, chọn lọc, tấu trình lên để vua phê chuẩn. Những thần linh quan trọng đối với vương triều được nhà nước nâng cấp, chăm lo cúng tế tại kinh đô và các địa phương (quốc tế). Thần bảo hộ các làng xã được vua ban sắc phong và ra lệnh cho dân sở tại thờ cúng. Trong số các vị thần làng, vị xứng đáng nhất theo nhãn quan Nho giáo được phong làm thần Thành hoàng, thay mặt nhà vua thống lĩnh các vị thần khác trong cõi thiêng. Thần Thành hoàng làng được phong tước Vương (Đại vương) bậc Thượng Đẳng thần.

Bản thần tích chùa Yên Phú hiện lưu giữ do một vị Đạo sĩ địa phương chép lại từ bản sao của Nguyễn Hiền, bản gốc do Nguyễn Bính biên soạn. Hàn lâm Học sĩ Nguyễn Bính biên tập thần tích với một số đặc điểm chung. Theo đó, bách thần của dân chúng, trong đó có các vị thủy thần, hội nhập vào lịch sử Đại Việt. Hàng loạt nhiên thần, nữ thần, thần phồn thực cổ xưa đã trở thành nhân vật thời Hùng Vương, Thục Vương hay tướng lĩnh của Hai Bà Trưng, hậu duệ của vua Hùng. Thần tích chùa Yên Phú viết: “Khi đó có người cháu gái họ Hùng trước đây tên là Trắc, vốn bậc nữ trung hào kiệt, với vẻ oai hùng của bậc thánh thần đã dấy binh khởi nghĩa. Đương thời, nam nhi tài lược không có nên người con gái đó đứng đầu làm tướng”⁽⁹⁾.

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là hồi quang cuối cùng của triều đại Hùng Vương huyền thoại, cũng là cuộc nổi dậy đầu tiên giành độc lập của người Việt thời Bắc thuộc. Đến đây, truyền thuyết Hùng Vương đã kết nối với sự kiện lịch sử hồi đầu Công nguyên. Hai vị thủy thần, nữ thần - Phật giáo trở thành những thần anh hùng chống ngoại xâm: “Thế là mẹ con bà Phương Dung đồng tâm đứng lên trợ giúp nước nhà. Vừa nghe nữ tướng chiêu binh khắp chốn, Vũ thần lập tức trong ngày đứng lên triệu

tập được mấy ngàn người trong làng, tập trung dưới trướng được 25 trai tráng khoẻ mạnh ở làng Yên Phú. Trong ngày, Thái bà cùng hai ông cử binh lên đường, cờ giông trống mở âm vang đến ngàn dặm núi cao. Một ngày đã đến nơi đóng quân của Trung Nữ Vương”⁽¹⁰⁾.

Việc thờ phụng anh hùng dân tộc là một tín ngưỡng phổ biến của người Việt, thể hiện lòng yêu nước và lịch sử lâu dài chống ngoại xâm bảo vệ nền độc lập. Việt Nam từ thời hình thành quốc gia dân tộc (trước Công nguyên) cho đến thế kỷ XX là lịch sử đấu tranh giành độc lập. Hơn nghìn năm Bắc thuộc, gần nghìn năm các nhà nước phong kiến Việt Nam, có chính quyền hay triều đại nào là không chịu sức ép thôn tính từ phương Bắc. Những cuộc xâm lăng, kháng chiến anh dũng, sự tàn phá nặng nề, những mất mát đau khổ tác động trực tiếp đến cuộc sống hiện thực, để lại nhiều xung động trong tâm thức cộng đồng, đương nhiên thần bảo hộ người dân làng xã trong cõi tâm linh phải được mời gọi tham dự vào. Theo tinh thần Nho giáo từ phía các vương triều phong kiến, các tiêu chí “thông minh chính trực”, “hộ quốc tỵ dân”, “âm phù” chống lại kẻ thù, khiến các vị nhiên thần được nhân hóa, lịch sử hóa, tích cực tham gia vào đời sống chính trị.

Tuy xuất thân từ Phật giáo, nhưng hành trạng của Thái bà Phương Dung đầy tính nhập thế: nuôi dạy con, tổ chức kháng chiến. Ở vị tu sĩ Phật giáo này có thể thấy hình ảnh của người phụ nữ Việt đảm đang trong thời bình, tháo vát trong thời chiến và phong thái của một nữ thủ lĩnh thời các bộ lạc Việt cổ.

Triều Nguyễn, nhà nước phong kiến Việt Nam cuối cùng, tín ngưỡng bách thần được kiểm soát chặt chẽ theo tinh thần Nho giáo hơn bao giờ hết. Việc rà soát để ban phong bách thần được tiến hành liên tục trong các đời vua Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, v.v... Triều đình nhiều lần ra những chỉ dụ điều chỉnh thần hiệu, cấm việc thờ tượng thần, loại trừ những biểu hiện bị cho là thái quá, tiếm vượt trong quy mô thờ tự, trang trí cơ sở thờ tự, cúng tế lễ hội. Vua Thiệu Trị quy định kích thước cơ sở thờ tự, cách bố trí hệ thống các thần trong miếu Hội đồng thống nhất trên cả nước. Vua Tự Đức quy định những mỹ tự phong cho bách thần không chỉ theo bậc Thượng đẳng, Trung đẳng và Hạ đẳng, mà còn theo các loại hình thần linh, phân biệt nam thần (dương thần) và nữ thần (âm thần). Thần linh được lựa chọn, cho phép dân chúng thờ cúng vừa phải đáp ứng những tiêu chuẩn đạo đức Nho giáo, vừa phải loại trừ

những nhân vật thuộc các triều đại nhà Hồ, nhà Trịnh, nhà Mạc, nhà Tây Sơn mà nhà Nguyễn cho là nguy triều, là tiếm vượt, từng là kẻ thù của dòng họ Nguyễn Phúc.

Nhà Nguyễn chọn Huế làm kinh đô, Thăng Long đổi ra Bắc Thành, xuống cấp chỉ còn là thành phố địa phương. Hệ thống thần linh cũ phía Bắc thất thế. Tập trung quyền lực về kinh đô Huế, nổi lên là hệ thống thần linh gắn với dòng họ Nguyễn và công cuộc mở cõi về phương Nam. Trong số 23 đạo sắc phong còn lưu giữ tại đình Yên Phú hiện nay, các sắc phong thời Lê Trung Hưng (gồm 18 đạo) phong cho Phương Dung là Công chúa. Các sắc phong thời Nguyễn ban cho Trung Vũ và Đài Liệu làm Đương cảnh Thành hoàng. Thái bà Phương Dung chưa bao giờ được phong làm Thành hoàng, đến thời Nguyễn không thấy sắc phong cho Phương Dung nữa. Sắc phong cuối cùng là vào năm Khải Định thứ 9 (1924) chỉ phong cho một mình Trung Vũ, còn Đài Liệu bị lược bỏ. Nhưng trong đình Yên Phú, bộ ba tượng thờ hiện còn thì tượng Thái bà Phương Dung rất đẹp ở vị trí giữa, kích thước lớn; tượng hai vị Trung Vũ và Đài Liệu chầu hai bên, kích thước nhỏ hơn. Những giá trị cổ xưa vẫn được lưu giữ. Tình cảm tâm linh của người dân vẫn có khoảng cách so với tư tưởng chính thống của triều đình Nho giáo.

4. Tín ngưỡng Thủy thần với Đạo giáo

Đạo giáo là một trong Tam giáo (cùng với Phật giáo và Nho giáo). Đạo giáo bao hàm trong nó nhiều tín ngưỡng bình dân, dễ dàng chia sẻ với tín ngưỡng bách thần của người Việt. Thần tích chùa Yên Phú có những đoạn mang màu sắc Đạo giáo thần tiên giao thoa với tín ngưỡng thần núi, thần nước bản địa: “Trung Vương nổi hồi chuông linh mật báo tới thánh núi Tản Viên, họp Hội đồng các thần tại cửa sông Hát Môn (vùng Sơn Tây), lập đàn tế, tấu lên thần linh... Khán xong hô xuất âm binh nghìn vạn đội... (Trung Vương) vừa trông thấy hai ông (Trung Vũ và Đài Liệu) vãn võ toàn tài, toát lên vẻ thần lực bèn nói: Người Trời giáng sinh nơi trần thế ắt chẳng phải là kẻ tầm thường!”⁽¹¹⁾.

Cảnh thần hóa tráng lệ của ba vị thần sau khi hoàn thành sứ mệnh đánh giặc cứu nước (Ứng thân) được mô tả trong thần tích chùa Yên Phú như sau: “Thế là bái lạy tạ ơn và quay về nhiệm sở, hai ông cùng mẹ lên thuyền rồng trở về đến giữa sông Kim Ngưu thì thấy một đám mây vàng như dải lụa sà thẳng xuống thuyền rồng. Thấy vậy, ba mẹ con vô cùng

kinh hãi, chạy lên đứng ở bãi đất đầu sông bên làng Yên Phú. Bỗng chốc thấy trời đất tối sầm, mưa to gió lớn nổi lên, rồi thấy Thái bà mình mặc áo gấm, ngồi trên kiệu hoa cười mây mà đi, rồi hai ông tự bay lên lao xuống dòng sông mất hút, lúc đó là vào ngày mùng 7 tháng 11. Trong khoảnh khắc, sóng nước vọt cao, giao long xà giải cùng sắp hàng dẫn lối. Quân sĩ nhân dân đều vô cùng kinh hãi bèn làm biểu tấu lên triều đình. Nữ vương sai quân đến nơi hành lễ, và truyền rằng, đây là nơi đất tốt, đặt tên là xứ Đồng Lãng, chuẩn cho phù hộ làng Yên Phú và được nhân dân ở đây thờ phụng”⁽¹²⁾.

Hai vị Trung Vũ và Đài Liễu ra đi theo cách thông thường của các vị thủy thần: “bay lên, lao xuống dòng sông mất hút” trong cảnh xung động dữ dội của thiên nhiên. Còn Thái bà Phương Dung, tuy là một tu sĩ Phật giáo, nhưng cách ra đi lại mang dáng dấp của một tiên nữ (Đạo giáo thần tiên): “mình mặc áo gấm, ngồi trên kiệu hoa cười mây mà đi...”.

Chùa Yên Phú hiện còn lưu giữ ba bia hậu là *Thanh đồng bi*, *Thanh quan bi* và *Cảm ân phụng kị bi*. Trong đó, hai bia đầu (lập vào năm thứ 7 và năm thứ 14 niên hiệu Bảo Đại, tức là các năm 1922 và 1929), nội dung lập hậu cho các vị thanh đồng, tiền đồng quan, cự đồng quan (tín đồ đạo Mẫu) có công với chùa, với dân làng. Rõ ràng, chùa Yên Phú vừa là nơi thờ Phật, vừa là nơi thờ Mẫu. Ngay bản sao thần tích chùa Yên Phú cũng do một vị Đạo sĩ địa phương thực hiện vào năm Thành Thái thứ 7 (1905) cho thấy, ngôi chùa này cũng là nơi đi về của các vị Đạo sĩ.

5. Một vài nhận xét

Tư liệu cổ cho thấy, thần Thành hoàng và các vị thần làng Yên Phú tụ hội yếu tố tín ngưỡng bản địa của người Việt cổ và các tôn giáo từ bên ngoài du nhập: tín ngưỡng nhiên thần, tín ngưỡng Tổ tiên, tín ngưỡng anh hùng dân tộc, tín ngưỡng thờ Mẫu, Phật giáo, Đạo giáo thần tiên, Nho giáo. Càng về sau, sự chi phối của Nho giáo càng thêm sâu sắc do sự thăng tiến địa vị chính trị của tư tưởng Nho giáo qua các triều đại phong kiến. Dưới tác động của Nho giáo, các vị nhiên thần cổ xưa mộc mạc, thô phác, đầy quyền uy, có khi còn dữ tợn, dần biến thành những vị quan lại với đầy đủ phẩm chất đạo đức Nho giáo bảo vệ dân chúng, phụng sự Thiên tử trong cõi thiêng.

Tôn giáo tín ngưỡng là một phần của văn hóa, chỉ chuyển hóa chứ không bao giờ tan biến. Hơn hai ngàn năm, thế giới bách thần người Việt

chuyển biến rất nhiều, hội nhập với những niềm tin ngoại nhập, tự biến đổi để thích nghi với những hệ tư tưởng thay thế nhau ở vị trí chính thống. Thu nhận nhiều mà vẫn giữ được những yếu tố dân gian cổ xưa nên tín ngưỡng bách thần người Việt ngày càng phong phú hơn, đa chiều hơn.

Từ giữa thế kỷ XX, cùng với sự biến động của thời cuộc, tín ngưỡng bách thần dân gian bị quên lãng một thời gian khá dài, có vẻ như bị đứt mạch: sự hủy hoại và xuống cấp đến điều tàn các cơ sở thờ tự, sự mai một các thư tịch cổ, sự thất truyền của các hội làng truyền thống cùng với nhiều nghi lễ liên quan, sự ra đi khó có người kế nối của các lớp nghệ sĩ thể hiện nghệ thuật dân gian. Điều này giảm bớt phần nào một số mê tín, hủ tục của chế độ phong kiến xưa. Nhưng sự mất mát một số di sản văn hóa dân tộc tích lũy qua hàng ngàn năm cũng là điều đáng suy ngẫm.

Hiện nay, với những chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam, tôn giáo tín ngưỡng có xu hướng phục hưng và phát triển. Việc về nguồn, tìm lại bản sắc truyền thống trở thành phong trào xã hội. Nằm trong xu thế đó, việc tân tạo ngôi chùa cổ Yên Phú và tìm lại những tư liệu cổ liên quan đến quần thể tín ngưỡng tôn giáo làng Yên Phú là một việc rất đáng thực hiện để nơi đây trở thành một địa điểm sinh hoạt gắn kết cộng đồng, đáp ứng nhu cầu tâm linh, hưởng thụ văn hóa của người dân trong vùng. Bên cạnh đó, khi hoàn thành, chùa Yên Phú cũng là một công trình đầy ý nghĩa chào mừng Đại lễ kỷ niệm nghìn năm Thăng Long - Hà Nội./.

CHÚ THÍCH

1. Hoàng Thị Thu Hường phiên âm và dịch nghĩa, “Yên Phú Tự”, trong Nguyễn Quốc Tuấn và Thượng tọa Thích Thọ Lạc đồng chủ biên (2011), *Chùa Yên Phú: Lịch sử và hiện tại*, Nxb. Hồng Đức: 219.
2. Xem: Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Nxb. Thuận Hóa.
3. Hoàng Thị Thu Hường phiên âm và dịch nghĩa, “Yên Phú Tự”, trong Nguyễn Quốc Tuấn và Thượng tọa Thích Thọ Lạc đồng chủ biên (2011), *Chùa Yên Phú: Lịch sử và hiện tại*, sách đã dẫn: 219 - 220.
4. Ứng thân là một trong Tam thân: Pháp thân Phật là Pháp tính Như Lai, là Chân Như; Báo thân Phật chỉ Pháp thân huân tập thành Phật quả (người có Phật tính tu hành đắc đạo thì có thân đó); Ứng thân Phật là Đức Phật biểu hiện dưới dạng nhân thế để độ trì cứu vớt chúng sinh. Xem Nguyễn Duy Hình (2007), *Một số bài viết về Tôn giáo học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 575.
5. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967: 223.
6. Sông Lô là tên gọi sông Nhị (sông Hồng) từ thời thuộc Minh về trước, khác với tên con sông Lô từ đời Lê đến nay là sông chảy qua Hà Tuyên.

7. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập 1, sách đã dẫn: 242.
8. Tạ Chí Đại Trường (2009), *Những bài dã sử Việt*, Nxb. Tri thức: 162.
9. Hoàng Thị Thu Hương phiên âm và dịch nghĩa, “Yên Phú Tự”, trong Nguyễn Quốc Tuấn và Thượng tọa Thích Thọ Lạc đồng chủ biên (2011), *Chùa Yên Phú: Lịch sử và hiện tại*, sách đã dẫn: 220.
10. Hoàng Thị Thu Hương phiên âm và dịch nghĩa, “Yên Phú Tự”, trong Nguyễn Quốc Tuấn và Thượng tọa Thích Thọ Lạc đồng chủ biên (2011), *Chùa Yên Phú: lịch sử và hiện tại*, sách đã dẫn: 220 - 221.
11. Hoàng Thị Thu Hương phiên âm và dịch nghĩa, “Yên Phú Tự”, trong Nguyễn Quốc Tuấn và Thượng tọa Thích Thọ Lạc đồng chủ biên (2011), *Chùa Yên Phú: lịch sử và hiện tại*, sách đã dẫn: 220.
12. Hoàng Thị Thu Hương phiên âm và dịch nghĩa, “Yên Phú Tự”, trong Nguyễn Quốc Tuấn và Thượng tọa Thích Thọ Lạc đồng chủ biên (2011), *Chùa Yên Phú: lịch sử và hiện tại*, sách đã dẫn: 221 - 222.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967.
2. Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Duy Hinh (2007), *Một số bài viết về Tôn giáo học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam, tập 1*, Nxb. Thuận Hóa.
5. Tạ Chí Đại Trường (1989), *Thân, Người và Đất Việt*, Văn nghệ xuất bản, California, USA.
6. Tạ Chí Đại Trường (2009), *Những bài dã sử Việt*, Nxb. Tri thức, 2009.
7. Nguyễn Quốc Tuấn và Thượng tọa Thích Thọ Lạc đồng chủ biên (2011), *Chùa Yên Phú: Lịch sử và hiện tại*, Nxb. Hồng Đức.

THE BELIEF IN WATER - GOD AND THE IMPACT OF THREE RELIGIONS (The study of Yên Phú pagoda in Liên Ninh commune, Thanh Trì district, Hà Nội)

This article has analyzed the impact of three religions (Buddhism, Confucianism and Taoism) on the faith of Water-god in pagoda (and communal house) of Yên Phú village, Liên Ninh commune, Thanh Trì district, Hà Nội city. Yên Phú village is located in the South of ancient Thăng Long imperial city. The faith of Water - God is prominent in this region

Key words: Belief in tutelary god, Popular belief, The belief of Water - God, Three religions in the same origin, Buddhism, Confucianism, Taoism, Yên Phú village.